TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2022/DS-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thái Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hữu Trọng

2. Bà Trần Nguyệt Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án Quận 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 5, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 99/2021/DSST ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/ĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2022/QĐXXST-DS ngày 9 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Trụ sở: 130 đường B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Như L, sinh năm 1993 - Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 22/QĐ-ADG ngày 28 tháng 10 năm 2021 (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Thái Anh T, sinh năm 1986

Thường trú: 335/3 đường G, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2021 (Công văn đến Tòa án ngày 22/4/2021), trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án có bà Phan Thị Như L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/4/2010, bà Trương Thái Anh T đăng ký dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ tại Ngân hàng TMCP A và đã được ngân hàng duyệt đồng ý cấp tín dụng ngày 09/4/2010 theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 00245377/TC24/2010 ngày 09/4/2010, cụ thể:

- Tổng hạn mức thấu chi được cấp là 2.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu đồng)

- Lãi suất là 1,4%/tháng

- Thời hạn vay là 2 tháng kể từ ngày 09/4/2010

- Mục đích vay: Tiêu dùng.

- Bà T đã rút tiền mặt từ tài khoản thấu chi, chi tiết các lần rút tiền mặt của bà T như sau: Ngày 10/4/2010: 1.980.000 đồng; Ngày 26/5/2010: 200.000 đồng.

- Ngoài ra bà T còn sử dụng tài khoản thấu chi để thanh toán phí sử dụng thẻ hàng năm và phí báo tin nhắn, chi tiết như sau: Ngày 09/4/2010: 2.796 đồng; Ngày 09/5/2010: 9.900 đồng.

- Tổng số tiền bà T đã sử dụng là 2.192.696 đồng. Bà T đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc là 207.723 đồng và tiền lãi trong hạn là 42.622 đồng, bà T thanh toán lần cuối ngày 26/5/2010 sau đó bà T ngưng không thanh toán cho đến nay.

Trong quá trình vay, bà T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng A. Bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 09/6/2010, Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn, lãi suất thấu chi quá hạn là 2.1%/tháng (bằng 1,5 lần lãi suất thấu chi trong hạn) được quy định tại Điều 2 của Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số 00245377/TC24/2010 ngày 09/4/2010.

Tính đến ngày 29/9/2022, bà T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền là 8.243.641 đồng, trong đó nợ quá hạn là 1.984.973 đồng, lãi trong hạn là 12.968 đồng và lãi quá hạn là 6.245.700 đồng.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện bà Trương Thái Anh T, yêu cầu bà T thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2022 là 8.243.641 đồng, trong đó nợ quá hạn là 1.984.973 đồng, lãi trong hạn là 12.968 đồng và lãi quá hạn là 6.245.700 đồng và bà T còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 đến ngày bà T thực trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A theo lãi suất quy định tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ 00245377/TC24/2010 ngày 09/4/2010, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bị đơn vay nên chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân bị đơn trả nợ, không yêu cầu đối với ai khác.

Về phía bị đơn bà Trương Thái Anh T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi mà bị đơn đã ký, bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi, bản Điều kiện và Điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn - Đây là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" là loại tranh chấp

được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn bà Trương Thái Anh T, sinh năm 1986 là số 335/3 đường G, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được bị đơn ghi trong giao dịch Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi thể hiện bị đơn cư trú tại địa chỉ số 335/3 đường G, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản xác minh ngày 08/11/2021 thì đương sự bà Trương Thái Anh T, sinh năm 1986 có đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng hiện không còn cư trú tại địa phương và đang đăng ký tạm trú tại số 237/36/33 đường I, Phường J, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời của Công an Phường J, quận K thì từ trước đến nay không có ai tên Trương Thái Anh T tạm trú tại địa chỉ số 237/36/33 đường I, Phường J, quận K.

Căn cứ vào Khoản 5.5 Điều 5 Chương II của bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ của nguyên đơn thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn. Nay bị đơn vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Đối với nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Đối với bị đơn bà Trương Thái Anh T là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên

đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/9/2022 theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 09/4/2010 với số tiền là 8.243.641 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 1.984.973 đồng, dư lãi trong hạn là 12.968 đồng và dư lãi quá hạn là 6.245.700 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 30/9/2022, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 09/4/2010 được ký giữa nguyên đơn và bị đơn, tóm tắt sao kê thẻ tín dụng và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay và giải ngân số tiền 2.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc là 207.723 đồng và tiền lãi trong hạn là 42.622 đồng. Tính đến ngày 29/9/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 8.243.641 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 1.984.973 đồng, dư lãi trong hạn là 12.968 đồng và dư lãi quá hạn là 6.245.700 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 09/4/2010 thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 29/9/2022 số tiền là 8.243.641 đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 1.984.973 đồng, dư lãi trong hạn là 12.968 đồng và dư lãi quá hạn là 6.245.700 đồng là phù hợp với các điều khoản trong theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi đã ký kết, phù hợp Điều 1, 2, 3 Chương II của bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ đính kèm theo Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 09/4/2010, bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 412.182 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có bà Phan Thị Như L là người đại diện theo ủy quyền và vắng mặt bị đơn là bà Trương Thái Anh T.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

2.1. Buộc bà Trương Thái Anh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ tính đến ngày 29/9/2022 là 8.243.641 (Tám triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi mốt) đồng, trong đó dư nợ quá hạn là 1.984.973 (Một triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm bảy mươi ba) đồng, dư lãi trong hạn là 12.968 (Mười hai nghìn chín trăm sáu mươi tám) đồng và dư lãi quá hạn là 6.245.700 (Sáu triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2. Kể từ ngày 30/9/2022, bà Trương Thái Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký sử dụng dịch vụ thấu chi ngày 09/4/2010 và bản Điều kiện và điều khoản sử dụng dịch vụ cho đến khi thi hành án xong.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thái Anh T phải chịu 412.182 (Bốn trăm mười hai nghìn một trăm tám mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TpHCM;
- VKSND Q5;
- Chi cục THADS Q5;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Phương).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thái Hòa